

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên tăng điểm sau khi kết quả xét nghiệm ban đầu cho thấy toàn bộ các ca F1 đều có kết quả âm tính

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm nhẹ dưới áp lực bán mạnh vào cuối phiên trong bối cảnh TTCK toàn cầu diễn biến trái chiều

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

HSG, VIB

[Vĩ mô/Chiến lược]

Triển vọng TTCK Việt Nam Q4 2020

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chốt lời từng phần khi chỉ số dần tiếp cận và thử thách vùng cản trên

07/10/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	919.72	+0.44
VN30	870.85	-0.06
HĐTL VN30F1M	867.00	-0.08
HNXIndex	136.13	-1.19
HNX30	254.09	-0.94
UPCoM	63.95	+0.06
USD/VND	23,199	-0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.50	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+5
Dầu (WTI, \$)	39.99	-1.67
Vàng (LME, \$)	1,890.40	+0.65

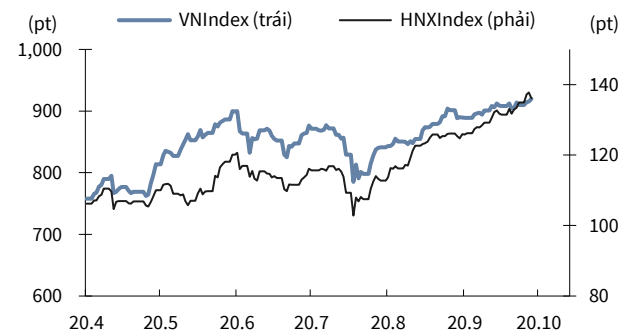


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	919.72 (+0.44%)
KLGD (triệu CP)	496.8 (+8.2%)
GTGD (triệu U\$)	378.7 (+7.1%)
HNXIndex	136.13 (-1.19%)
KLGD (triệu CP)	68.4 (+17.0%)
GTGD (triệu U\$)	38.9 (+20.4%)
UPCoM	63.95 (+0.06%)
KLGD (triệu CP)	25.2 (-25.4%)
GTGD (triệu U\$)	19.7 (+3.1%)
NĐTNN mua ròng (triệu U\$)	-11.4

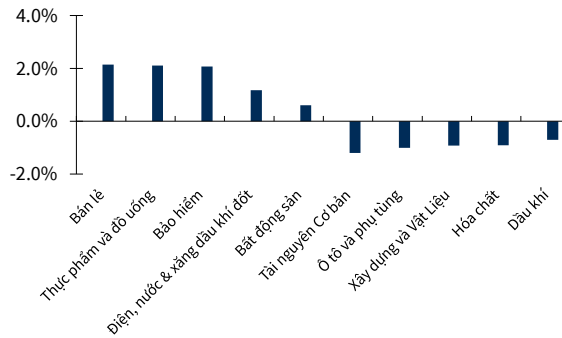
TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên tăng điểm sau khi kết quả xét nghiệm ban đầu cho thấy toàn bộ các ca F1 (những người tiếp xúc gần với bệnh nhân nhiễm Covid-19 tại Hải Phòng) đều có kết quả âm tính. Thông tin tăng trưởng tín dụng 9 tháng đầu năm ở mức thấp 6.09% (so với mức 9.4% cùng kỳ) khiến nhóm cổ phiếu ngân hàng điều chỉnh ở CTG (-0.7%), MBB (-1.4%). Đánh giá tiêu cực của đại diện Hiệp hội Dệt may Việt Nam về triển vọng ngành này trong quý 4 tại buổi hội thảo tổ chức mới đây khiến cổ phiếu các doanh nghiệp trong ngành điều chỉnh ở TCM (-0.6%), VGG (-1.3%). Báo cáo sản lượng quý 3 của HSG (+0.3%) tăng mạnh giúp hỗ trợ các cổ phiếu tôn thép khác tăng giá ở NKG (+1.8%), SMC (+0.5%). Cổ phiếu MSN (+6.7%) tăng giá mạnh sau khi xuất hiện tin đồn doanh nghiệp này sắp tới bán mảng kinh doanh khai khoáng ở mỏ Núi Pháo. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng, tập trung ở VNM (+0.9%), HSG (+0.3%), CII (+1.1%).

VNIndex & HNXIndex



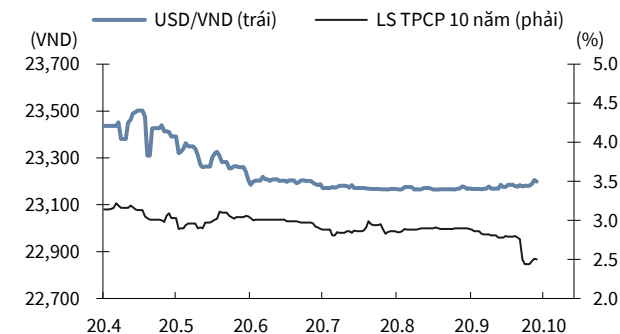
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



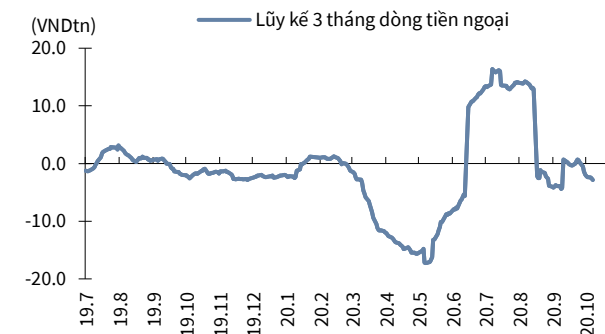
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



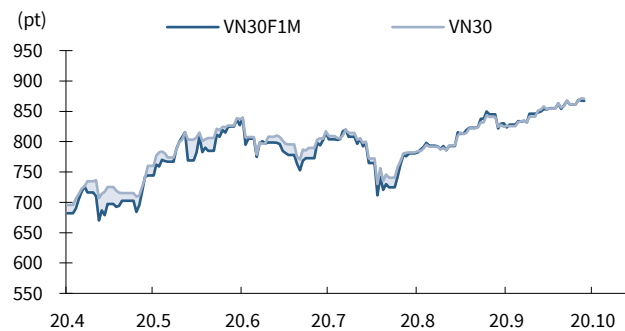
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	870.85 (-0.06%)
VN30F1M	867.0 (-0.08%)
Mở cửa	867.2
Cao nhất	873.0
Thấp nhất	866.6
KLGD (HĐ)	110,399 (-9.0%)

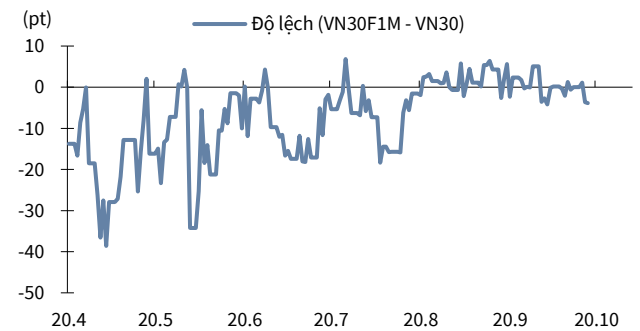
HĐTL giảm nhẹ dưới áp lực bán mạnh vào cuối phiên trong bối cảnh TTCK toàn cầu diễn biến trái chiều. Chênh lệch F2010 và VN30 mở cửa ở mức -4.17, trước khi giao động trong biên độ -0.8 và -4.1 trong phiên sáng. Chênh lệch nới rộng xuống mức -5.66 dưới áp lực bán mạnh vào phiên chiều trước khi đóng cửa thu hẹp lại xuống -3.85 khi nhà đầu tư nội cover vị thế short trong phiên. NĐTNN mua bán cân bằng trong phiên hôm nay trong khi thanh khoản giảm nhẹ.

HĐTL VN30F1M & VN30



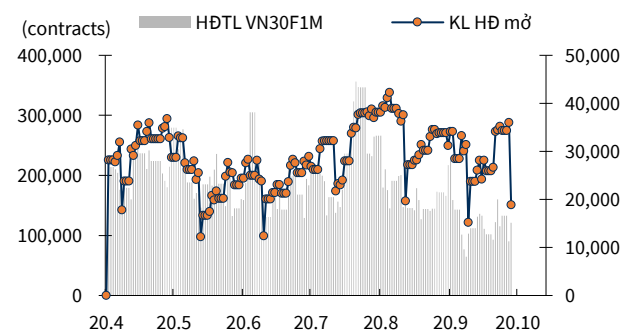
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



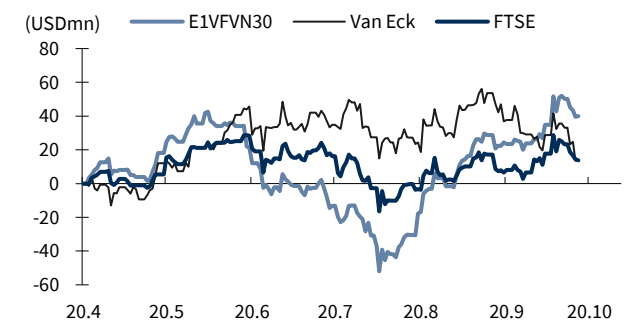
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

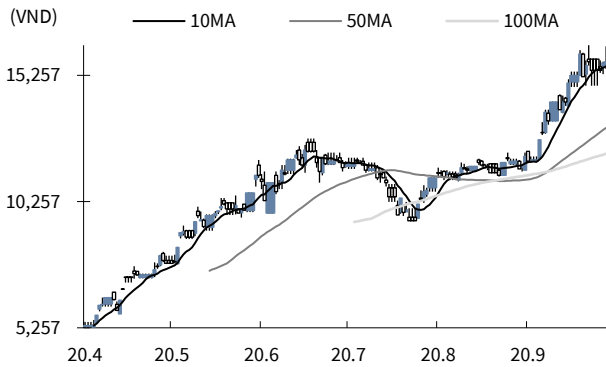
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

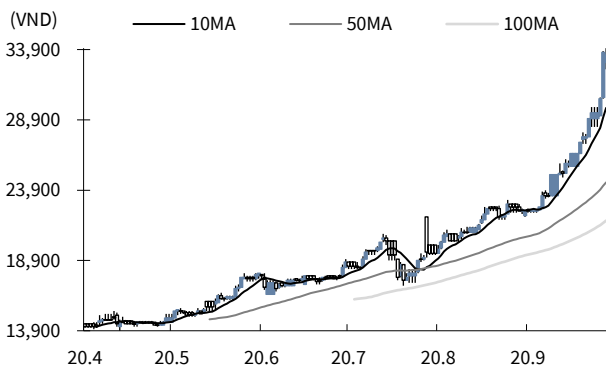
Hoa Sen (HSG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HSG tăng 0.3% lên 15,800 VNĐ/cp.
- HSG công bố ước tính tình hình kinh doanh của tập đoàn trong quý 3 với tổng sản lượng tiêu thụ đạt 525,277 tấn (+28% QoQ và +46% YoY). Trong đó, sản lượng xuất khẩu đạt 275,668 tấn, chiếm tỷ trọng 52.35% và tăng 154% so với cùng kỳ. Đây là lần đầu tiên HSG công bố sản lượng theo quý.

Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (VIB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIB tăng 4% lên 33,500 VNĐ/cp.
- VIB vừa công bố Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM để niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE).
- Trước đó, ngày 31/8, HOSE thông báo đã nhận hồ sơ đăng ký niêm yết của VIB. Ngân hàng dự kiến niêm yết hơn 924 triệu cổ phiếu VIB trên sàn HOSE. Lãnh đạo công ty cho biết thời gian dự kiến niêm yết sẽ rơi vào tháng 11, sau khi được các cơ quan quản lý thông qua.

Triển vọng TTCK Việt Nam Q4 2020

Quay về vạch xuất phát

TTCK Việt Nam mở rộng đà phục hồi trong quý 3 bất chấp làn sóng Covid-19 thứ 2 quay trở lại. Động lực tăng trưởng của thị trường trong giai đoạn này chủ yếu đến từ 4 nguyên nhân chính: 1) thành công của Việt Nam trong việc chống đỡ làn sóng Covid-19 thứ 2 mà không làm tê liệt hoạt động kinh tế của cả nước, cùng với kỳ vọng Việt Nam từng bước mở cửa biên giới trở lại; 2) mặt bằng lãi suất giảm mạnh, trong khi các kênh đầu tư khác (vàng, bất động sản) không thực sự hấp dẫn; 3) Chính sách tiền tệ nới lỏng được đẩy mạnh trên phạm vi toàn cầu, bao gồm cả Việt Nam; 4) Hiệp định thương mại tự do EVFTA được thông qua, cùng với kỳ vọng vào khả năng thu hút thêm dòng vốn đầu tư nước ngoài FDI; 5) Kỳ vọng vào hiệu quả của các chính sách tài khóa mở rộng của Chính phủ bao gồm đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công, giảm thuế.

Các yếu tố hỗ trợ thị trường trong các tháng cuối năm sẽ tiếp tục được duy trì, bao gồm: 1) tốc độ tăng trưởng các ca nhiễm bệnh dần chậm lại, các nền kinh tế trên thế giới từng bước mở cửa lại các hoạt động vận tải hành khách cùng với các thông tin tích cực liên quan đến quá trình sản xuất vaccine; 2) các tín hiệu hồi phục rõ ràng hơn của kinh tế trong nước, được hỗ trợ bởi sự hồi phục sức tiêu thụ ở các thị trường xuất khẩu chính và việc dần khôi phục lại ngành du lịch khi Việt Nam mở cửa lại biên giới trong thời gian tới; 3) xu hướng nới lỏng tiền tệ của các NHTW ở trên thế giới và Việt Nam; 4) đẩy mạnh giải ngân đầu tư công.

Các yếu tố rủi ro chính: làn sóng Covid-19 mạnh lên làm trì hoãn kế hoạch mở cửa của các nước; thị trường đã tăng mạnh và rơi vào vùng định giá không còn quá hấp dẫn; hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có thể phục hồi chậm hơn so với kỳ vọng, đi kèm sự gia tăng nợ xấu ngân hàng; bầu cử Mỹ với rủi ro Việt Nam bị lôi vào cuộc chạy đua; rủi ro bị Mỹ gắn mác thao túng tiền tệ.

Vùng giá kỳ vọng của VNIndex cuối năm 2020 quanh 960 điểm

Các ngành/mã khuyến nghị:

Điện lực – Mã tiêu biểu: HND, NT2, SJD, TMP

Cảng biển – Mã tiêu biểu: GMD

Công nghệ thông tin – Mã tiêu biểu: FPT, CMG

Bán lẻ - Mã tiêu biểu: MWG, PNJ

Thủy sản – Mã tiêu biểu: FMC, VHC

Lê Anh Tùng
 Chuyên viên chiến lược thị trường
 tungla@kbsec.com.vn

Trần Đức Anh
 Giám đốc Kinh tế vĩ mô & Chiến lược thị trường
 anhhd@kbsec.com.vn

05/10/2020

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

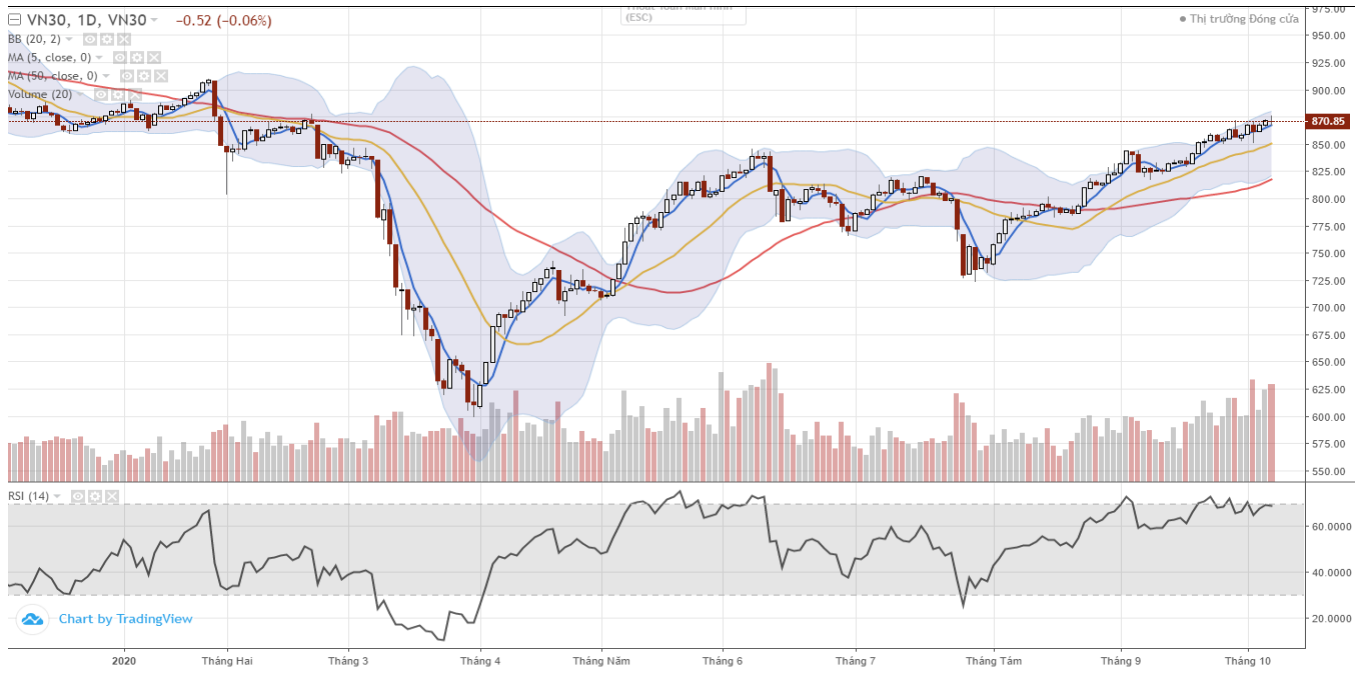
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tiếp diễn đà tăng nhưng đã vấp phải áp lực bán gia tăng vào cuối phiên.
- Chúng tôi cho rằng chỉ số sẽ gặp nhiều rung lắc rõ ràng hơn khi tiếp cận vùng kháng cự 93x. Đây được xem là vùng kháng cự mạnh nên khả năng vượt cản chưa được đánh giá cao ngay nhịp này.
- NĐT được khuyến nghị chốt lời từng phần khi chỉ số dần tiếp cận và thử thách vùng cản trên.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 chịu áp lực bán mạnh vào cuối phiên khiến chỉ số hình thành mẫu nến doji không mấy tích cực.
- Với việc phản ứng sớm khi tiến gần đến vùng kháng cự 88x, chúng tôi cho rằng chỉ số sẽ tiếp tục gặp nhiều rung lắc với rủi ro đảo chiều gia tăng.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục tập trung cho các giao dịch ngắn 2 chiều trong phiên nhưng ưu tiên mở vị thế SHORT khi chỉ số tiếp cận vùng kháng cự trên.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

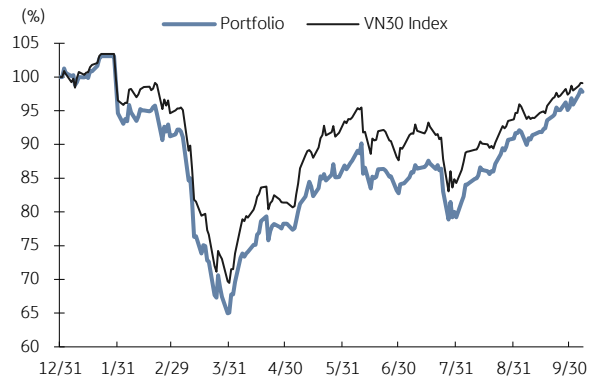
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.06%	-0.37%
Tăng lũy kế (YTD)	-0.93%	-2.22%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 07/10/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	107,600	2.3%	-7.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,550	0.6%	8.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	61,100	0.0%	-20.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,600	-1.4%	2.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	41,350	-0.8%	21.6%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	50,400	-0.2%	50.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	27,000	-0.7%	10.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	104,000	-0.5%	-19.5%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	27,800	-1.6%	42.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	14,800	-1.3%	8.0%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCB	1.3%	23.6%	21.0
MSN	6.7%	38.1%	14.9
DXG	0.0%	34.3%	13.5
VHM	0.9%	22.0%	11.0
VPB	-1.7%	23.5%	9.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.9%	58.2%	-100.4
HSG	0.3%	10.3%	-31.4
CII	1.1%	34.5%	-26.4
E1VFN30	0.3%	97.8%	-24.9
CTG	-0.7%	30.0%	-18.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDV	-1.5%	15.5%	1.2
WCS	-0.2%	26.7%	0.9
SZB	0.0%	0.1%	0.6
INN	2.0%	9.7%	0.2
BVS	0.0%	23.9%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-2.3%	5.6%	-1.1
HCC	1.4%	12.2%	-0.8
PVS	-1.4%	10.0%	-0.7
VIX	-3.6%	0.6%	-0.5
PVC	-1.6%	10.9%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	6.0%	OGC, SSI
Tài nguyên Cơ bản	4.5%	HPG, TTF
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.1%	GAS, POW
Bán lẻ	3.0%	MWG, FRT
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.9%	LGC, REE

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-0.5%	PLX, PVD
Du lịch và Giải trí	-0.2%	VJC, HVN
Y tế	0.0%	DHG, PME
Ô tô và phụ tùng	0.4%	TCH, DRC
Ngân hàng	0.5%	TCB, BID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	13.4%	MWG, PET
Tài nguyên Cơ bản	12.9%	HPG, HSG
Dịch vụ tài chính	11.0%	SSI, HCM
Hóa chất	6.1%	GVR, DCM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.9%	LGC, REE

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-4.7%	YEG, PNC
Dầu khí	-1.1%	PLX, PVD
Du lịch và Giải trí	-0.2%	VJC, SCS
Bất động sản	0.4%	BCM, VHM
Công nghệ thông tin	1.6%	ICT, CMG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtỷ, USDm)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	92,500	312,875 (13,487)	44,953 (1.9)	22.9	50.5	37.0	21.9	6.6	8.7	3.6	3.3	0.8	1.1	1.1	-19.6
	VHM	VINHOMES JSC	76,800	252,635 (10,890)	153,625 (6.6)	27.0	9.4	8.2	35.0	38.5	30.8	2.9	2.2	0.9	1.7	-2.9	-9.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,800	63,170 (2,723)	74,238 (3.2)	18.3	24.9	18.4	2.8	9.1	11.7	2.2	2.1	1.1	0.7	0.4	-18.2
	NVL	NO VA LAND INVES	63,100	62,189 (2,681)	85,833 (3.7)	32.6	16.8	17.5	1.9	14.1	11.9	2.4	-	-0.3	-1.3	0.5	6.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,600	13,747 (593)	13,571 (0.6)	7.4	12.6	10.5	14.7	14.1	15.8	1.6	1.5	-1.2	1.4	1.0	-4.0
	DXG	DAT XANH GROUP	11,400	5,908 (255)	44,926 (1.9)	14.7	8.4	5.6	-29.0	7.4	14.0	0.7	0.6	0.0	12.9	16.8	-21.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	85,000	315,255 (13,589)	91,600 (4.0)	6.4	18.8	15.8	11.6	19.7	19.1	3.2	2.7	1.3	1.1	1.7	-5.8
	BID	BANK FOR INVESTM	40,450	162,691 (7,013)	53,537 (2.3)	12.5	34.6	20.0	-10.3	9.1	12.3	2.2	2.0	0.0	-0.9	-0.4	-12.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,800	76,303 (3,289)	78,859 (3.4)	0.0	7.5	6.4	3.9	15.6	15.5	1.1	0.9	-2.7	-3.5	2.8	-7.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	27,000	100,532 (4,333)	141,578 (6.1)	0.0	14.5	11.8	18.7	10.2	11.4	1.3	1.2	-0.7	1.7	8.0	29.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,750	57,897 (2,496)	118,786 (5.1)	0.0	7.1	6.2	5.4	17.7	16.6	1.1	1.0	-1.7	0.0	5.6	18.8
	MBB	MILITARY COMMERC	17,600	48,807 (2,104)	129,483 (5.6)	0.0	6.8	5.8	7.0	18.0	17.6	1.1	0.9	-1.4	2.5	14.4	-2.7
	HDB	HDBANK	24,700	31,016 (1,337)	42,403 (1.8)	9.7	7.7	6.8	20.1	20.2	20.1	1.3	1.2	0.0	2.6	10.0	16.6
	STB	SACOMBANK	13,700	24,710 (1,065)	225,935 (9.7)	14.5	15.2	9.6	1.6	6.8	9.0	0.9	0.8	-3.5	-0.7	22.3	36.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	24,750	20,210 (871)	46,948 (2.0)	0.0	6.7	5.5	29.4	22.4	20.3	1.2	1.0	-1.4	5.5	8.6	17.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,450	21,454 (925)	5,441 (0.2)	0.1	37.5	36.0	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	-0.6	2.6	3.3	-2.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	49,850	37,005 (1,595)	39,601 (1.7)	20.8	30.3	25.6	2.6	6.3	7.7	1.9	1.8	2.5	2.4	1.6	-27.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	28,600	2,613 (113)	11,778 (0.5)	14.6	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.1	0.9	-0.3	16.7	15.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,850	10,727 (462)	108,193 (4.7)	50.0	12.3	10.0	-16.8	9.0	10.6	1.0	1.0	-1.7	5.3	16.3	14.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	31,650	5,241 (226)	25,816 (1.1)	71.7	11.3	8.8	-24.9	11.1	13.0	1.2	1.1	-1.1	9.9	19.4	7.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	21,800	6,650 (287)	67,609 (2.9)	51.0	14.9	9.3	-22.5	11.0	17.1	1.5	1.4	-0.9	3.8	13.8	2.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	15,350	3,201 (138)	21,153 (0.9)	16.1	13.8	8.7	-19.1	7.4	11.2	1.0	0.9	-0.3	13.7	26.3	6.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	108,000	225,683 (9,728)	197,656 (8.5)	41.8	22.1	20.6	5.7	37.9	38.6	7.6	6.8	0.9	-0.8	2.9	11.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	190,000	121,843 (5,252)	15,051 (0.6)	36.9	29.3	25.1	0.6	21.6	23.8	6.0	5.3	2.0	3.7	-1.1	-16.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	61,900	72,713 (3,134)	83,885 (3.6)	10.9	82.6	32.3	-57.2	2.3	6.8	2.0	2.1	6.7	13.4	13.4	9.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,150	13,469 (581)	29,616 (1.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.8	3.0	-3.6	-12.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	104,000	54,479 (2,348)	43,532 (1.9)	12.5	-	15.8	-	8.9	21.4	3.4	3.1	-0.5	-0.6	-2.8	-28.9
	GMD	GEMADEPT CORP	24,500	7,275 (314)	15,612 (0.7)	0.0	18.4	16.1	-54.0	6.8	7.5	1.2	1.2	-0.8	2.3	12.4	5.2
	CII	HO CHI MINH CITY	19,200	4,586 (198)	32,185 (1.4)	35.5	9.7	9.0	142.2	9.6	9.4	0.9	0.8	1.1	6.4	7.0	-14.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,420	1,374 (059)	14,998 (0.6)	47.0	-	-	-	-	-	-	-	3.9	11.5	10.0	-86.0
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	23,300	10,950 (472)	169,548 (7.3)	35.0	28.6	12.3	-20.9	10.5	13.6	-	-	-1.7	-1.5	-10.2	20.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	60,500	4,616 (199)	58,569 (2.5)	2.3	7.3	7.9	-33.3	7.5	7.0	0.5	0.5	-6.2	-12.6	-18.6	17.9
	REE	REE	41,350	12,821 (553)	18,396 (0.8)	0.0	8.4	7.4	-9.9	13.4	14.0	1.1	1.0	-0.8	2.9	13.0	13.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	74,100	141,824 (6,113)	51,027 (2.2)	45.9	19.0	14.8	-18.6	15.5	19.2	2.9	2.7	2.2	3.9	2.9	-20.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,650	6,808 (293)	5,546 (0.2)	30.0	9.7	9.6	-2.8	16.8	17.4	1.6	1.6	0.4	2.8	4.0	9.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,150	7,743 (334)	5,541 (0.2)	33.1	8.8	8.1	-11.7	15.2	15.8	1.3	1.2	1.3	1.9	2.8	-10.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	27,800	92,109 (3,970)	368,869 (15.9)	15.1	9.5	8.0	5.5	18.2	19.1	1.6	1.4	-1.6	5.3	13.5	42.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,050	6,672 (288)	56,664 (2.4)	36.7	11.1	12.0	-0.7	8.9	7.9	0.8	0.8	-0.6	-4.2	6.2	31.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	11,700	6,194 (267)	35,195 (1.5)	46.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.5	-1.3	28.6	80.0
	HSG	HOA SEN GROUP	15,800	7,021 (303)	201,986 (8.7)	38.7	8.4	8.5	45.8	14.4	12.5	1.1	1.0	0.3	1.0	36.8	112.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,350	2,608 (112)	29,551 (1.3)	97.8	5.8	6.7	45.6	13.3	10.5	0.6	0.6	-1.6	1.6	-2.0	-2.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	49,900	60,819 (2,622)	34,435 (1.5)	3.9	48.5	17.8	-40.0	5.8	15.1	2.5	2.1	-0.6	-0.8	-2.3	-10.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	12,000	5,054 (218)	76,370 (3.3)	37.6	52.8	28.3	-20.4	0.8	0.7	0.4	0.4	-2.0	3.9	11.1	-20.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	14,100	3,968 (171)	31,801 (1.4)	29.1	9.3	8.1	-18.0	9.2	9.9	0.7	0.7	-1.7	4.8	23.7	-16.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	107,600	48,708 (2,100)	93,423 (4.0)	0.0	13.4	10.3	9.5	26.7	27.7	3.2	2.6	2.3	3.2	19.2	-5.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	61,100	13,755 (593)	37,437 (1.6)	0.0	15.6	13.2	-1.8	21.0	22.7	2.7	2.5	0.0	0.3	3.7	-29.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	47,700	1,407 (061)	482 (0.0)	69.4	20.1	14.6	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.2	0.2	1.5	-4.6	28.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	25,050	1,978 (085)	18,330 (0.8)	13.2	16.7	11.3	-41.1	9.1	12.6	1.4	1.3	2.5	4.4	8.9	19.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	58,600	7,940 (342)	49,626 (2.1)	36.1	7.5	7.2	29.4	36.8	29.8	2.6	2.3	-0.2	0.5	2.8	53.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	105,000	13,728 (592)	826 (0.0)	45.2	20.6	19.0	8.0	20.3	19.8	3.8	3.6	0.2	-0.5	5.0	14.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	69,500	5,213 (225)	458 (0.0)	37.9	14.8	-	7.3	16.4	-	2.4	-	0.0	-0.9	0.6	28.0
IT	FPT	FPT CORP	50,400	39,509 (1,703)	79,155 (3.4)	0.0	11.4	9.8	19.9	23.4	24.5	2.4	2.1	-0.2	0.8	3.9	-0.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.